



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai

và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng

xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý	4
2.	Đặc điểm địa hình	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5.	Phân bố dân cư, dân số	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai	5
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	6
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1.	Lịch sử thiên tai	7
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	8
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	9
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương	9
5.	Hạ tầng công cộng	10
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)	12
7.	Nhà ở	13
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	13
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	13
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	14
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	14
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	15
13.	Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	16
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	17
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	17
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	18
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng	18
2.	Hạ tầng công cộng	20
3.	Công trình thủy lợi	21
4.	Nhà ở	22
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	23
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh	24
7.	Giáo dục	25
8.	Rừng	26
9.	Trồng trọt	26
10.	Chăn nuôi	27
11.	Thủy Sản	29
12.	Du lịch	30
13.	Buôn bán và dịch vụ khác	30

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	31
15. Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH	32
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	33
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	34
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	34
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	34
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	35
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	Error! Bookmark not defined.
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	38
E. Phụ lục	39
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	39
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	39
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	46
F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	48
1. Khái niệm	48
2. Nội dung đánh giá.....	49

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Phong Thủy là xã vùng giữa, nằm sát trung tâm huyện Lệ Thủy

Phía Bắc giáp xã Lộc Thủy

Phía Nam giáp Thị trấn Kiến Giang (huyện lỵ Lệ Thủy)

Phía Đông giáp xã Thanh Thủy

Phía Tây giáp xã An Thủy

2. Đặc điểm địa hình

- Đặc điểm địa bàn của xã là vùng đồng bằng, trũng thấp, đặc biệt vùng ruộng lúa thấp hơn so với mực nước biển từ 0,6-0,8m, hằng năm chịu từ 2 đến 3 đợt lũ.

Đặc điểm thủy văn

- Thuộc lưu vực sông: Kiến Giang

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

ST T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24,5°C		Tăng 1,5°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39°C	5-7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20°C	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1500-2000 mm	10-11	Tăng thêm khoảng 20-40 mm/đợt

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của tỉnh Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	Tăng
3	Xu hướng lũ			X	Tăng
4	Số ngày rét đậm			X	Tăng
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	2,64% diện tích – 21,151,68ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)			X	Tăng

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Thôn Đại Phong	940	120	4023	2034	1989	38	19
2	Thôn Thượng Phong	779	90	3627	1821	1806	42	22
	Tổng số	1.719	210	7.650	3.855	3.795	80	41

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.000,41
1	Nhóm đất Nông nghiệp	735,15
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	716,63
1.1.1	Đất lúa nước	674,64
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	35,49
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	6,5
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	

1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	46
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	46
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	
4	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	25 %
	- Đất ở	95%
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”		

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

T T	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
1	Trồng trọt	32	950	4,1 (tấn/ha)	60
2	Chăn nuôi	4	420	12 (triệu VNĐ/năm)	70
3	Nuôi trồng thủy sản	0,7	16	8,5 (triệu VNĐ/năm)	50
4	Đánh bắt hải sản	0,3	96	15,3 (tấn)	30
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	29	119	87 (triệu VNĐ/năm)	30
6	Buôn bán	24	242	25 (triệu VNĐ/năm)	80
7	Du lịch			(triệu VNĐ/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	10	119	75 (triệu VNĐ/năm)	30
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”					

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính		Số lượng	
10/2017	Bão và lụt	2 thôn	Đại Phong Thượng Phong	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)			
				2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	1 nam		
				3. Số nhà bị thiệt hại:	0		
				4. Số trường học bị thiệt hại:	4		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0		
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0,50		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	1		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0		
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0		
				12. Các thiệt hại khác...: Hoa màu Gia cầm chết Hệ thống truyền thanh thôn	2 ha 300 con		
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	813 (triệu VNĐ)		
2013	Bão	1 thôn	Đại Phong	2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	4 nam		
				3. Số nhà bị thiệt hại:	200		
2010	Bão	1 thôn	Thượng Phong	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	1 nam		
				2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	1 nam		
				3. Số nhà bị thiệt hại:	7		
2010	Lụt	2 thôn	Đại Phong Thượng Phong	1. Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	1 nữ		
				2. Số người bị thương: (Nam/Nữ)	1 nam		
				6. Số km đường bị thiệt hại:	3 km		
				12. Các thiệt hại khác...: Hoa màu Gia súc chết	0,8 ha 20 con 2000 con		

				Gia cầm chết	
7/2015	Hạn	1 thôn	Thượng Phong	10, Số ha ruộng bị thiệt hại:	100
12/2016	Rét	2 thôn	Đại Phong Thượng Phong	10, Số ha ruộng bị thiệt hại:	80
				12, Các thiệt hại khác Gia cầm chết Cá giống chết	2.000 1.500
12/2016	Mưa nhiều	2 thôn	Đại Phong Thượng Phong	10, Số ha ruộng bị thiệt hại:	50
7/2017	Nhiệt độ tăng	1 thôn	Đại Phong	1, Số người chết/mất tích (Nam/Nữ)	1 nữ
				2, Số người bị thương: (Nam/Nữ)	30 trẻ em
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”					
Hướng dẫn điền					
- Cột 1: Ghi tháng/năm, nếu không nhớ tháng chỉ cần ghi năm; Thống kê các đợt thiên tai chính xảy ra trong vòng 10 năm (vd: Tính từ năm 2008 đến 2018)					

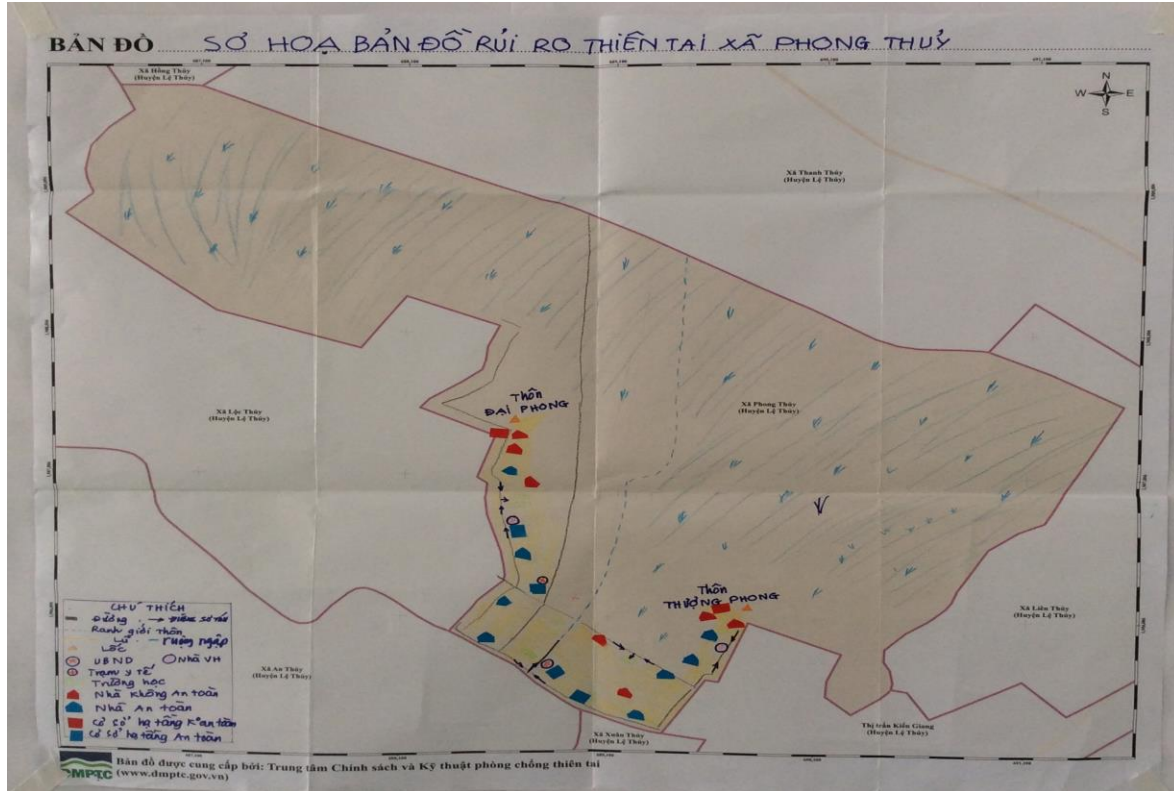
3. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Thượng Phong	Trung bình	Tăng	Cao
		Đại Phong	Trung Bình	Tăng	Cao
2	Lũ lụt	Thượng Phong	Trung bình	Tăng	Cao
		Đại Phong	Trung Bình	Tăng	Cao
3	Hạn Hán	Thượng Phong	Thấp	Tăng	Cao
		Đại Phong	Thấp	Tăng	Cao
4	Ngập lụt do nước dâng do bão	0	0	Tăng	Cao
5	Các dạng thiên tai khác	Thượng Phong	Thấp	Tăng	Cao
		Đại Phong	Thấp	Tăng	Cao

Ghi chú khác : Các loại thiên tai được quy định trong luật PCTT

Nhận xét:

4. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



5. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Đối tượng dễ bị tổn thương
-----------	-----------------------------------

	Thôn	Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Đại Phong	201	290	315	610	19	430	842	47	120	12	24	64	116	0	0
2	Thượng Phong	130	250	285	550	10	395	778	42	103	10	19	48	87	0	0
	Tổng	331	540	600	1.160	29	825	1.620	89	223	22	43	112	203	0	0

6. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Đại Phong Thượng Phong	1993	Cột	1.580	0
2	Dây điện	Đại Phong Thượng Phong	1993	Km	31,6	0
3	Trạm điện	Đại Phong Thượng Phong	1988	Trạm	5	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền:

- Năm xây dựng: Ghi tính từ năm nào (vd, từ 1992)

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
1	Đường						
	Đường quốc lộ	0		Km	0	0	0
	Đường tỉnh/huyện			Km	0	0	0
	Đường xã	Đại Phong	2011	Km	0,5	4	0
		Thượng Phong	2011	Km	1	0	0
	Đường thôn	Đại Phong	2013	Km	0	6,7	0
		Thượng Phong	2013	Km	0	6	0
	Đường nội đồng	Đại Phong	1987	km	0	0	11
		Thượng Phong	1987	km	0	0	10
2	Cầu, Cống	Thôn	Năm	Đơn vị	Kiên cố	Yếu/không	Tạm

			xây dựng			đảm bảo tiêu thoát	
	Cầu giao thông	Đại Phong		cái	9	0	0
	Cống	Đại Phong		cái	4	0	0
		Thượng Phong		cái	4	0	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

- Năm xây dựng: Ghi tính từ năm nào (vd, từ 1992)

c) Trường

TT	Trường	Thôn*	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non**	2004		16	12	4	0
2	Trường Tiểu học Đại Phong	1990		18	14	4	0
3	Trường Tiểu học Thượng Phong	2009		10	10	0	0
4	Trường THCS	2008		18	18	0	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

(*) Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

(**) Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

Hướng dẫn điền

- Nếu có nhiều trường thì thêm dòng

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện*		0	0	0	0	0	0
	Trạm y tế	Đại Phong	2009	8	8	8	0	0

Cơ sở khám		0	0	0	0	0	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0” (*) Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Số lượng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Thượng Phong	2003	Phòng	14	12	2	0
2	Nhà văn hóa xã	Thượng Phong	2014	Cái	1	1	0	0
3	Nhà văn hóa thôn	Thượng Phong Đại Phong	2016 2003	Cái	2	2	0	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã				Cái	0	0	0
2	Chợ tạm/chợ cóc	Đại Phong			Cái	0	0	1
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

7. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
1	Đê	km	2008	16,5	6	4,5
2	Kè	Km		0,3	0	0
3	Kênh mương	Km	1998	12	0	8
4	Cống	Cái	2008	8	0	0

5	Đập thủy lợi	Cái		0	0	0
6	Trạm bơm	Cái	2008	10	0	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”10						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

8. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
	Đại Phong	940	310	625		5
	Thượng Phong	779	280	490	3	6
	Tổng	1719	590	1115	3	11
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

9. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chày	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
	Đại Phong	940	465	940	1	0	0	940	0	0
	Thượng Phong	779	385	779	1	0	0	779	0	0
	Tổng	1.719	850	1.719	2	0	0	1.719	0	0
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”										
<i>Hướng dẫn điền</i>										

10. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	15	13	09	0	0
3	Viêm đường hô hấp	46	158	106	70	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh)	0	381	0	0	0

không đảm bảo)					
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”					
Hướng dẫn điền					

11. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn	0	0	0	0	0	0	0
2	Rừng trên cát	0	0	0	0	0	0	0
3	Rừng tự nhiên	0	0	0	0	0	0	0
4	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0	0	0	0
5	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0	0	0	0
6	Rừng khác	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”; Lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

12. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	674,64	950	60	Tiềm năng	20
	b. Hoa màu	Ha	2,8	86	60	0	30
	c. Cây lâu năm	Ha				0	
	d. Cây hàng năm	Ha	35,49	1250	60	0	10
	e. Cây ăn quả	Ha				0	

2	Chăn nuôi					0	
	a. Gia súc	Con	557	326	85	0	30
	b. Gia cầm	Con	8.700	1,700	90	0	30
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi đánh bắt	Hộ	58	29	40	0	0
	b. Tàu thuyền gần bờ	Thuyền	29	29		0	0
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	0	0	0	0	0
4	Thủy hải sản Nuôi trồng					0	
	a. Bãi nuôi	Ha	0	0	0	0	0
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	2,8	9	40	0	25
	c. Lồng bè	Cái	5	4	30	0	25
5	Du lịch	0	0	0	0	0	0
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn	0	0	0	0	0
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm	48	48	80	0	5
6	Buôn bán và dịch vụ khác		242	242	80	Tiềm năng phát triển	10

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”; Lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

Hướng dẫn điền

(*) Mục tiềm năng phát triển: ghi rõ đánh giá của cộng đồng/xã xem đây có phải là ngành kinh tế chủ lực và xu hướng đầu tư phát triển của người dân và xã đối với ngành/lĩnh vực này trong 10-20 năm tới.

(**) Mục này điền số % - dựa trên kết quả nhận định chung về mức độ thiệt hại do thiên tai thường xuyên xảy ra với lĩnh vực này

13. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	96	Đại Phong Thượng Phong
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	Đại Phong Thượng Phong
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	22	Đại Phong Thượng Phong

4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	Đại Phong Thượng Phong
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	0	0
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1.150	Đại Phong Thượng Phong

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

Phần nhận xét cần thêm: loại thông tin dự báo TT và BĐKH nào? Được chuyển tải đến người dân bằng những kênh thông tin nào? Thông tin có dễ hiểu và dễ làm theo cho các đối tượng DBTT không? (PN, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật...)

14. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	4	Mầm non Tiểu học Đại Phong Tiểu học Thượng Phong THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	2	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	23	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	6	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	15	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	3	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	12	
	- Áo phao	Chiếc		

	- Loa cầm tay	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	25	
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	
	- Lều bạt	Chiếc	2	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị		
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ số	
11	Khác....			
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”				
Hướng dẫn điền				

15. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Không có

16. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Đại Phong	Thôn Thượng Phong				Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao Xxx % dân có kiến thức	Cao Xxx % dân có kiến thức				Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng						
	- Điện	Cao 100%	Cao 100%				Cao
	- Đường và cầu cống	Cao 100%	Cao 100%				Cao
	- Trường	Cao 100%	Cao 100%				Cao
	- Trạm	Cao 100%					Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao				Cao
	- Chợ						

3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	100 % công trình	100 % công trình				Cao
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	Cao	Cao				Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	95 % hộ dân	95 % hộ dân				95%
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	Cao 90 % hộ dân	Cao 90 % hộ dân				Cao 90%
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý						
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao				Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao				Cao
Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)		Cao	Cao				

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	920 hộ, 3530 người ở trong vùng ngập lụt, Trong đó: - 310 hộ, 1330 người ở trong vùng ngập sâu - 120 phụ nữ là chủ hộ - 2.010 đối tượng dễ bị tổn thương - 20% phụ nữ, 13% nam, 40% trẻ em chưa biết bơi - 15% chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai - 5% hộ còn chủ quan chưa chịu sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền	Có 310 nhà kiên cố, an toàn trong thôn để sơ tán Có 3 điểm trường cao tầng để sơ tán khi có lụt Ban PCTT thôn có lực lượng và 6 thuyền máy 20% hộ gia đình có thuyền 80% phụ nữ, 87% nam giới, 60% trẻ em biết bơi 85% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai 95% hộ sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền	Thiệt hại về người	Thấp
	Thượng Phong	779	670 hộ, 2910 người ở trong vùng ngập lụt, Trong đó: - 350 hộ, 1.500 người ở trong vùng ngập sâu - 90 phụ nữ là chủ hộ	Có 280 nhà kiên cố, an toàn trong thôn để sơ tán Có 2 điểm trường cao tầng để sơ tán khi có lụt Ban PCTT thôn có lực	Thiệt hại về người	Thấp

			<ul style="list-style-type: none"> - 1.797 đối tượng dễ bị tổn thương - 20% phụ nữ, 13% nam, 40% trẻ em chưa biết bơi - 15% chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai - 5% hộ còn chủ quan chưa chịu sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền 	<p>lượng và 5 thuyền máy</p> <p>20% hộ gia đình có thuyền</p> <p>80% phụ nữ, 87% nam giới, 60% trẻ em biết bơi</p> <p>85% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai</p> <p>95% hộ chủ động sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền</p>		
Bão	Đại Phong	940	<p>940 hộ, 4023 người ở trong vùng tác động của bão, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 nhà đơn sơ, 24 người ở trong đó - 625 nhà bán kiên cố, 2600 người ở trong nhà bán kiên cố - 120 phụ nữ là chủ hộ - 2010 đối tượng dễ bị tổn thương - 20% phụ nữ, 13% nam, 40% trẻ em chưa biết bơi - 15% chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai - 5% hộ còn chủ quan chưa chịu sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền 	<p>Có 310 nhà kiên cố, an toàn trong thôn để sơ tán</p> <p>Có 3 điểm trường cao tầng để sơ tán khi có lụt</p> <p>Ban PCTT thôn có lực lượng</p> <p>80% phụ nữ, 87% nam giới, 60% trẻ em biết bơi</p> <p>85% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai</p> <p>95% hộ chủ động sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền</p>	Thiệt hại về người	Thấp
	Thượng Phong	779	<p>779 hộ, 3627 người ở trong vùng tác động của bão, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 nhà đơn sơ, 27 người ở trong đó - 490 nhà bán kiên cố, 2110 người ở trong nhà bán kiên cố - 90 phụ nữ là chủ hộ - 1.797 đối tượng dễ bị tổn thương - 20% phụ nữ, 13% nam, 40% trẻ em chưa biết bơi - 15% chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai - 5% hộ còn chủ quan chưa chịu sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền 	<p>Có 310 nhà kiên cố, an toàn trong thôn để sơ tán</p> <p>Có 3 điểm trường cao tầng để sơ tán khi có lụt</p> <p>Ban PCTT thôn có lực lượng</p> <p>80% phụ nữ, 87% nam giới, 60% trẻ em biết bơi</p> <p>85% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai</p> <p>95% hộ chủ động sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền</p>	Thiệt hại về người	Thấp

Ghi chú khác:

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột 3

- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B4), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ **bảo vệ sinh mạng của dân** mà cộng đồng đã có **đối với loại hình thiên tai cụ thể**
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro với **dân cư và công đồng** của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro **đối với dân cư** Cao, Trung bình hoặc Thấp dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	- 11km đường nội đồng là đường đất dễ hư hại 1 cầu giao thông đang làm tạm 1 cầu phao bắt qua sông Kiến Giang nối với xã An Thủy (hình thức BOT) do tư nhân ở ngoài xã quản lý	- 0,5 km đường xã là đường nhựa - 4 km đường xã đã bê tông hóa - 6,7 km đường thôn đã bê tông hóa - 9 cầu giao thông kiên cố - 4 cống giao thông kiên cố - Tư nhân thuê người bảo quản và di chuyển cầu khi có bão lụt - Ý thức bảo vệ đường, cầu, cống của người dân cao	đường nội đồng hư hại Cầu hư Cầu phao hư	Trung bình Trung bình Thấp
	Thượng Phong	779	- 10km đường nội đồng là đường đất dễ hư hại	- 1 km đường xã là đường nhựa - 6 km đường thôn đã bê tông hóa - 4 cống giao thông kiên cố - Ý thức bảo vệ đường, cầu, cống của người dân cao	đường nội đồng hư hại	Trung bình
Bão	Đại Phong	940	43 km đường dây điện quanh thôn 1 cầu phao bắt qua sông Kiến Giang nối với xã An Thủy (hình thức BOT) do	-860 cột điện kiên cố - 3 trạm điện kiên cố - 100% hộ dân sử dụng điện - Chi nhánh điện huyện quản lý trực tiếp hệ thống điện - Ý thức bảo vệ hệ thống điện của người dân cao Tư nhân thuê người bảo quản và di	Dây điện đứt Cầu phao hư hại	Trung bình Thấp

			tư nhân ở ngoài xã quản lý	chuyên cầu khi có bão lụt		
			8 nhà văn hóa xóm bán kiên cố		Hư hại NVH xóm	Thấp
	Thượng Phong	779	36 km đường dây điện quanh thôn	-720 cột điện kiên cố -2 trạm điện kiên cố - 100% hộ dân sử dụng điện - Chi nhánh điện huyện quản lý trực tiếp hệ thống điện - Ý thức bảo vệ hệ thống điện của người dân cao	Dây điện đứt	Trung bình
			8 nhà văn hóa xóm bán kiên cố		Hư hại NVH xóm	Thấp

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5**), Sơ họ bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các loại cơ sở hạ tầng mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với cơ sở hạ tầng công cộng của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với cơ sở hạ tầng công cộng dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				-	-	-
Lụt	Đại Phong	940	- 2,5 km đê chưa kiên cố - 4 km đê bán kiên cố - 4km kênh mương chưa kiên cố	- 8,5 km đê kiên cố - 0,3 km kè kiên cố - 6 km kênh mương kiên cố - 5 cống thủy lợi kiên cố - 5 trạm bơm kiên cố	Đê có nguy cơ bị sạt lở, Kênh mương có nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp	Trung bình Cao
	Thượng Phong	779	- 2 km đê chưa kiên cố - 2 km đê bán kiên cố - 4 km kênh mương	- 8 km đê kiên cố - 6 km kênh mương	Đê có nguy cơ bị sạt lở, Kênh mương có	Trung bình Cao

			chưa kiên cố	kiên cố - 3 công thủy lợi kiên cố - 5 trạm bơm kiên cố	nguy cơ bị sạt lở, bồi lấp	
Bão	Đại Phong	940	0	- 5 trạm bơm kiên cố	Hư hại trạm bơm	Thấp
	Thượng Phong	779	0	- 5 trạm bơm kiên cố	Hư hại trạm bơm	Thấp

Ghi chú khác

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B6), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các công trình thủy lợi mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với công trình thủy lợi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với công trình thủy lợi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Đại Phong	940	920 nhà ở trong vùng ngập lụt 5 nhà đơn sơ 120 hộ phụ nữ làm chủ hộ 40% hộ gia đình còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa	310 nhà kiên cố 625 nhà bán kiên cố 60% người dân có ý thức bảo vệ, chằng chống nhà cửa	Nhà cửa hư hại	Thấp
	Thượng Phong	779	670 nhà ở trong vùng ngập lụt 6 nhà đơn sơ 3 nhà thiếu kiên cố 90 hộ phụ nữ làm chủ hộ 40% hộ gia đình còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa	280 nhà kiên cố 490 nhà bán kiên cố 60% người dân có ý thức bảo vệ, chằng chống nhà cửa	Nhà cửa hư hại	Thấp
Bão	Đại Phong	940	5 nhà đơn sơ 625 nhà bán kiên cố 120 hộ phụ nữ làm chủ hộ 38 hộ nghèo 40% hộ gia đình còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa	310 nhà kiên cố 60% người dân có ý thức bảo vệ, chằng chống nhà cửa	Nhà sập/ hư hại Tốc mái	Thấp Cao

	Thượng Phong	779	6 nhà đơn sơ 3 nhà thiếu kiên cố 490 nhà bán kiên cố 90 hộ phụ nữ làm chủ hộ 38 hộ nghèo 40% hộ gia đình còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa	280 nhà kiên cố 60% người dân có ý thức bảo vệ, chằng chống nhà cửa	Nhà sập/hư hại Tốc mái	Thấp Cao
--	--------------	-----	---	--	-------------------------------	-----------------

Ghi chú khác:

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B7), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với các Nhà ở mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với nhà ở của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với nhà ở dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Đại Phong	940	-5% hộ gia đình chưa có kiến thức về vệ sinh môi trường - 10% hộ dân còn chưa có ý thức cao trong việc bảo vệ môi trường	Thôn có 1 trạm cấp nước sạch 940 hộ (100%) dùng nước máy 940 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh 95% hộ gia đình có kiến thức về vệ sinh môi trường 90% hộ có ý thức bảo vệ môi trường Thôn có ngày Nông thôn mới tổng vệ sinh môi trường 2 lần/ tháng	- Nguy cơ ô nhiễm môi trường - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da	Thấp Thấp
	Thượng Phong	779	-5% hộ gia đình chưa có kiến thức về vệ sinh môi trường - 10% hộ dân còn chưa có ý thức cao trong việc bảo vệ môi trường	Thôn có 1 trạm cấp nước sạch 779 hộ (100%) dùng nước máy 779 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh 95% hộ gia đình có kiến thức về vệ sinh môi trường 90% hộ có ý thức bảo vệ môi trường Thôn có ngày Nông thôn mới tổng vệ sinh môi trường	- Nguy cơ ô nhiễm môi trường - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da	Thấp Thấp

				trường 2 lần/ tháng		
Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						
<ul style="list-style-type: none"> - Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2) - Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4) - Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3) - Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1 & B8), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13) - Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường</u> mà xã/thôn đã có - Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn - Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với quản lý sử dụng nước, công tác vệ sinh môi trường</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6) 						

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/B ĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu: máy thở Oxy, vi tính, siêu âm, điện tim, xét nghiệm đường tiêu - Trạm không có phương tiện đi lại trong lúc lụt - Người dân chỉ đến khám khi có bệnh, ít người đến khám định kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế ở trên địa bàn thôn, cơ sở kiên cố, nhà 2 tầng 8 phòng làm việc - Trạm y tế có 1 bác sỹ (nữ) và 6 nhân viên y tế (5 nữ và 1 nam) đã qua đào tạo chính quy - Thôn có 01 y tế thôn - Ở gần bệnh viện huyện nên người dân đến khám sức khỏe ở huyện 	Nguy cơ quản lý, điều trị dịch bệnh chưa kịp thời	Thấp
	Thượng Phong	779	<ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế cách 2 km - Người dân chỉ đến khám khi có bệnh, ít người đến khám định kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thôn có 01 y tế thôn - Ở gần bệnh viện huyện nên người dân đến khám sức khỏe ở huyện 	Nguy cơ quản lý, điều trị dịch bệnh chưa kịp thời	Thấp
Bão	Đại Phong	940	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu: máy thở Oxy, vi tính, siêu âm, điện tim, xét nghiệm đường tiêu - Người dân chỉ đến khám khi có bệnh, ít người đến khám định kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> Trạm y tế ở trên địa bàn thôn, cơ sở kiên cố, nhà 2 tầng 8 phòng làm việc - Trạm y tế có 1 bác sỹ (nữ) và 6 nhân viên y tế (5 nữ và 1 nam) đã qua đào tạo chính quy - Thôn có 01 y tế thôn - Ở gần bệnh viện huyện nên người dân đến khám sức khỏe ở 	Trạm y tế hư hỏng	Thấp
				<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ quản lý, điều trị dịch bệnh chưa kịp thời 	Thấp	

				huyện		
	Thượng Phong	779	- Trạm y tế cách 2 km - Người dân chỉ đến khám khi có bệnh, ít người đến khám định kỳ	- Thôn có 01 y tế thôn - Ở gần bệnh viện huyện nên người dân đến khám sức khỏe ở huyện	Nguy cơ quản lý, điều trị dịch bệnh chưa kịp thời	Thấp

.... **Ghi chú khác**

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5d, B9**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯĐDKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/ĐDKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y tế và quản lý dịch bệnh dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TỰĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong Thượng Phong		Các điểm trường đều ở trong vùng ngập nước Các đường đến trường đều bị ngập nước	4 trường đều có các dãy phòng 2 tầng Nhà trường có kế hoạch dạy bù, dạy trước để kịp thời gian nghỉ do bão lụt	Trường hư hại Học sinh phải nghỉ học nhiều ngày, chất lượng học sinh thấp	Thấp Thấp
Bão	Đại Phong	940	Trường Tiểu học Đại Phong có 4 phòng học kiên cố	Trường Tiểu học Đại Phong có 14 phòng học kiên cố Trường Mầm non khu vực Đại Phong có 10 phòng học kiên cố Trường THCS có 18 phòng học kiên cố Các trường có Ban PCTT, có năng lực phòng chống thiên tai tốt Các trường có kế hoạch dạy thêm, dạy bù đảm bảo chương trình	Hư hại phòng học Học sinh nghỉ học dài ngày, chất lượng thấp	Trung bình Thấp

Thượng Phong	779	Trường Mầm non khu vực Thượng Phong có 4 phòng học bán kiên cố	Trường Mầm non có 8 phòng học kiên cố Trường Tiểu học Thượng Phong có 10 phòng học kiên cố 2 trường có Ban PCTT, có năng lực phòng chống thiên tai tốt Các trường có kế hoạch dạy thêm, dạy bù đảm bảo chương trình	Hư hại phòng học Học sinh nghỉ học dài ngày, chất lượng thấp	Trung bình Thấp
--------------	-----	--	--	---	------------------------

Ghi chú khác: Lụt không ảnh hưởng đến cơ sở giáo dục

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B5c**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUĐDKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực giáo dục của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực y giáo dục dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

8. Rừng

Xã không có rừng

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	125 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu 1 ha đất trồng màu ở vùng bị ngập 10% người dân(trong đó 50% là nữ) chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	Có 6km kênh mương kiên cố Có 5 trạm bơm tưới, tiêu (13 máy bơm) Có 12 máy cày, 6 máy gặt HTX dịch vụ nông nghiệp ở thôn là một HTX mạnh, chỉ đạo tốt hoạt động sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào sản xuất	Lúa hư hại, giảm năng suất Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Thượng Phong	779	120 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu 25 ha đất trồng rau màu ở vùng thường bị ngập sâu 10% người dân,(trong đó 50% là nữ) chưa có kiến thức KHKT về trồng trọt	Có 8 km kênh mương kiên cố Có 1 trạm bơm tưới, tiêu (8 máy bơm) Có 8 máy cày, 6 máy gặt HTX dịch vụ nông nghiệp ở thôn là một HTX mạnh, chỉ đạo tốt hoạt động sản xuất 90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào sản xuất	Lúa hư hại, giảm năng suất Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình

Hạn	Đại Phong	940	150 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị thiếu nước	Có 5 trạm bơm (13 máy bơm) Có hồ chứa nước An Mã cung cấp nước tưới	Lúa chết, giảm năng suất	Thấp
	Thượng Phong	779	100 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị thiếu nước	Có 1 trạm bơm (8 máy bơm) Có hồ chứa nước An Mã cung cấp nước tưới	Lúa chết, giảm năng suất	Thấp
Rét	Đại Phong	940	674,64 ha đất trồng lúa của 2 thôn đều ở trong vùng tác động của rét	HTX chỉ đạo phòng chống rét, gieo cấy lại diện tích bị hư 100% người dân có kinh nghiệm trong phòng, chống rét cho cây lúa	Lúa chết	Thấp
	Thượng Phong	779				
Xâm nhập/nhiễm mặn	Đại Phong	940	180 ha đất trồng lúa ở trong vùng thường bị xâm nhập và nhiễm mặn (kể cả lúc bị hạn cũng như lụt)	Có các công ngăn mặn 100% người dân có kinh nghiệm trong việc phòng chống xâm nhập mặn, cải tạo đất như bón phân, rải vôi....	Lúa bị hư hại	Thấp
	Thượng Phong	779	0	0	0	0
Nhiệt độ tăng	Đại Phong Th. Phong		674,64 ha đất trồng lúa của 2 thôn đều ở trong vùng tác động của nhiệt độ tăng cao làm cho sâu bệnh phát sinh	HTX chỉ đạo phòng, ngừa sâu bệnh Người dân có kinh nghiệm chăm sóc lúa	Lúa hư hại	Thấp
Lượng mưa thay đổi	Đại Phong	940	40 ha đất trồng lúa ở vùng thường chịu tác động do mưa nhiều làm lúa khó thụ phấn, giảm năng suất	HTX chỉ đạo phòng sản xuất Người dân có kinh nghiệm chăm sóc lúa	Lúa hư hại	Thấp
	Thượng Phong	779	170 ha đất trồng lúa, hoa màu ở vùng thường chịu tác động do mưa nhiều làm lúa khó thụ phấn, giảm năng suất	HTX chỉ đạo sản xuất Người dân có kinh nghiệm chăm sóc lúa	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực trồng trọt mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực trồng trọt của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực trồng trọt dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	15 con trâu, bò có chuồng trại nuôi trong vùng ngập lụt 2 hộ nuôi trâu bò có chuồng trại chưa an toàn 15 hộ nuôi lợn có chuồng lợn thấp 70% hộ nuôi gia cầm còn thả rong 10% người chăn nuôi chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi	6 hộ nuôi trâu, bò có chuồng trại an toàn 60 hộ nuôi lợn có chuồng lợn vượt lũ 30% hộ nuôi gia cầm có chuồng trại nuôi nhốt 90% người chăn nuôi áp dụng KHKT vào chăn nuôi	Trâu, bò chết Lợn trôi/chết Gia cầm trôi, chết	Thấp Thấp Cao
	Thượng Phong	779	14 con trâu, bò có chuồng trại nuôi trong vùng ngập lụt 4 hộ nuôi trâu, bò chưa có chuồng trại an toàn 16 hộ nuôi lợn có chuồng lợn thấp 70% hộ nuôi gia cầm còn thả rong 10% người chăn nuôi chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi	5 hộ nuôi trâu, bò có chuồng trại an toàn 5 hộ nuôi lợn có chuồng lợn vượt lũ 30% hộ nuôi gia cầm có chuồng trại nuôi nhốt 90% người chăn nuôi áp dụng KHKT vào chăn nuôi	Trâu, bò chết Lợn trôi/chết Gia cầm trôi, chết	Thấp Thấp Cao
Bão	Đại Phong	940	70% hộ nuôi gia cầm còn thả rong 10% người chăn nuôi chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi	30% hộ nuôi gia cầm có chuồng trại nuôi nhốt 90% người chăn nuôi áp dụng KHKT vào chăn nuôi	Gia cầm chết	Trung bình
	Thượng Phong	779	70% hộ nuôi gia cầm còn thả rong 10% người chăn nuôi chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi	30% hộ nuôi gia cầm có chuồng trại nuôi nhốt 90% người chăn nuôi áp dụng KHKT vào chăn nuôi	Gia cầm chết	Trung bình
Rét	Đại Phong	940	4 hộ nuôi trâu, bò chưa có chuồng trại an toàn	10 hộ nuôi trâu, bò có chuồng trại an toàn	Trâu bò chết	Thấp
	Thượng Phong	779	4 hộ nuôi trâu, bò chưa có chuồng trại an toàn	11 hộ nuôi trâu, bò có chuồng trại an toàn	Trâu bò chết	Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Chăn nuôi mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Chăn nuôi của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Chăn nuôi dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	Đại Phong	940	0,8 ha ao hồ nuôi cá có bờ chưa cao, các hồ đều được ở trong vườn nhà Các hộ đều nuôi theo dạng thủ công không có các thiết bị máy móc hỗ trợ	100% các hộ có kinh nghiệm	Cá trôi, chết	cao
	Thượng Phong	779	2 ha ao hồ nuôi cá có bờ chưa cao, các hồ đều được ở trong vườn nhà Các hộ đều nuôi theo dạng thủ công không có các thiết bị máy móc hỗ trợ 5 lồng cá nuôi trên sông	100% các hộ có kinh nghiệm	Cá trôi, chết Lồng cá trôi	Cao Thấp
Bão	Thượng Phong	779	5 lồng cá nuôi trên sông	100% các hộ có kinh nghiệm	Lồng cá trôi	Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

- Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)
- Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)
- Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
- Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)
- Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Thủy sản mà xã/thôn đã có
- Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Thủy sản của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
- Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Thủy sản dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

12. Du lịch

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	8 cơ sở ăn uống ở trong vùng ngập lụt trong đó 6 cơ sở ăn uống bán kiên cố	2 cơ sở ăn uống kiên cố	Cơ sở kinh doanh ăn uống hư hại	Thấp
	Thượng Phong	779	30 cơ sở ăn uống ở trong vùng ngập	10 cơ sở ăn uống ở vùng cao		
Bão	Đại Phong	940	6 cơ sở ăn uống bán kiên cố	2 cơ sở ăn uống kiên cố Các cơ sở do tư nhân quản lý, có kinh nghiệm phòng chống bão	Cơ sở kinh doanh ăn uống hư hại	Thấp
....	Thượng Phong	779	40 cơ sở ăn uống	Các cơ sở do tư nhân quản lý, có kinh nghiệm phòng chống bão	Cơ sở kinh doanh ăn uống hư hại	Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Du lịch mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Du lịch của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Du lịch dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Đại Phong	940	50 hộ kinh doanh mua bán ở trong vùng ngập lụt 3 hộ xay xát trong vùng ngập	12 hộ có cơ sở mua bán kiên cố 3 hộ xay xát có cơ sở xay xát kiên cố Các hộ có kinh nghiệm trong bảo vệ hàng hóa của mình trong mùa lụt	Hàng hóa ướt Lúa gạo ướt	Thấp Thấp

	Thượng Phong	779	130 cơ sở buôn bán ở vùng ngập sâu 3 hộ xây xát trong vùng ngập	Các hộ có kinh nghiệm trong bảo vệ hàng hóa của mình trong mùa lụt	Hàng hóa ướt Lúa gạo ướt	Thấp Thấp
Bão	Đại Phong	940	38 hộ kinh doanh có cơ sở kinh doanh bán kiên cố	12 cơ sở kinh doanh kiên cố 3 cơ sở xây xát kiên cố Người kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ cơ sở kinh doanh trước mưa bão	Hư hại cơ sở kinh doanh	Thấp
	Thượng Phong	779	70 cơ sở kinh doanh mua bán là bán kiên cố	80 cơ sở kinh doanh mua bán kiên cố 3 cơ sở xây xát kiên cố Người kinh doanh có kinh nghiệm bảo vệ cơ sở kinh doanh trước mưa bão	Hư hại cơ sở kinh doanh	Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1, **B11**), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Kinh doanh buôn bán và dịch vụ khác dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Đại Phong Thượng Phong		- 2 thôn chưa có trang bị loa cầm tay - 22 loa truyền thanh của xã, thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại - Triển khai thông tin từ thôn tới người dân còn chậm - Công tác truyền truyền về PCTT chưa được thường xuyên	- Hệ thống truyền thanh 22 loa phủ khắp các thôn - Có máy phát điện dự phòng khi có bão mất điện - 95% hộ gia đình có các phương tiện nghe, nhìn - 100% người dân tiếp cận các thông tin cảnh báo từ loa truyền thanh thôn - 11.150 hộ tiếp cận dịch vụ Internet. - Xã kịp thời triển khai thông tin xuống các thôn đảm bảo ứng phó với tình hình thiên tai	- Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão Hư hại hệ thống truyền thanh	Thấp Trung bình

Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền						
Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)						
Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)						
Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)						
Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Phòng chống thiên tai/TU'BDKH (B13)						
Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B12), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ <u>áp dụng đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</u> mà xã/thôn đã có						
Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro <u>đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</u> của <u>từng loại hình thiên tai</u> tại từng thôn						
Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp <u>đối với lĩnh vực Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</u> dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)						

15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Đại Phong Thượng Phong		<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên đội xung kích chưa được tập huấn về cứu hộ-sơ cấp cứu - Đội xung kích chưa được trang bị bảo hộ cá nhân - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH - 15% người dân chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai - 40% người dân còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 10% hộ còn chủ quan trong việc sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT các thôn được củng cố hằng năm trong đó có phụ nữ tham gia - Các thôn có thuyền gấn máy để ứng phó trong mùa lũ (Đại Phong 6, Thượng Phong 5) - 100% hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 7-10 ngày trong mùa thiên tai - 85% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai - 60% người dân chủ động chằng chống nhà cửa 90% hộ thực hiện tốt việc sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . - Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản người dân 	Thấp Trung bình Trung bình
....	Ghi chú khác					
Hướng dẫn điền						
Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)						
Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)						

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)
 Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH (B13)
 Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH mà xã/thôn đã có
 Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH của từng loại hình thiên tai tại từng thôn
 Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Đại Phong		- Có 120 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn, việc phòng chống thiên tai là của nam giới - 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 20% phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10%	- 30% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 35% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau.	Hư hại nhà cửa Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới	Trung bình Thấp Trung bình
	Thượng Phong	779	- Có 90 phụ nữ đơn thân, trụ cột của gia đình - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (30%) do quan niệm nam mạnh mẽ hơn - 10% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 20% phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 10%	- 30% phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80 % phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất và kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau	Hư hại nhà cửa Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới	Trung bình Thấp Trung bình
....	<i>Ghi chú khác</i>					

Hướng dẫn điền

Cột 1 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (2)

Cột 2 – Tham khảo biểu Lịch sử thiên tai (B1), cột (4)

Cột 3 – Tham khảo biểu Phân bố dân cư (A5), cột (3)

Cột 4 - Tham khảo biểu: Đối tượng tổn thương (B1), Sơ họa bản đồ thiên tai (B3), Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm (B12), Phòng chống thiên tai/TUỶỆ KH (B13)

Cột 5: Tham khảo Năng lực PCTT/BĐKH (B15), liệt kê các năng lực, kỹ thuật và công nghệ áp dụng đối với lĩnh vực Giới trong Phòng chống thiên tai/TUỶỆ KH mà xã/thôn đã có

Cột 6: Ghi rõ loại rủi ro đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TUỶỆ KH của từng loại hình thiên tai tại từng thôn

Cột 7: Điền mức độ rủi ro Cao, Trung bình hoặc Thấp đối với lĩnh vực Giới Phòng chống thiên tai/TUỶỆ KH dựa vào kết quả các cột (3), (4), (5), (6)

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Không có

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Lúa hư hại	Lúa ở vùng thấp trũng	Ruộng thấp, đê bao thấp	Nâng cấp đê bao Nâng cấp hệ thống tiêu úng
2	Lúa kém phát triển, chết	Lúa ở vùng thiếu nước Nắng nóng nhiều	Hệ thống tưới nước chưa đảm bảo, thiếu nguồn dự trữ nước	Khai thông kênh mương Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương
		Lúa ở vùng chịu ảnh hưởng của rét	Nhiệt độ thấp, kéo dài Giống lúa gieo cấy không chịu được rét	Xây dựng lịch thời vụ phù hợp thời tiết, biến đổi khí hậu Chăm sóc lúa chống rét Thay đổi giống cây trồng
		Thay đổi độ PH của đất Lúa ở vùng bị xâm nhập mặn Đất bị nhiễm mặn	Ruộng thấp, đê bao thấp, thủy triều dâng	Nâng cấp đê bao, Cải tạo đất nhiễm mặn Thay đổi giống cây trồng
3	Nhà tốc mái	Do nhà tạm, thiếu kiên cố	Nhận thức về bảo vệ nhà cửa của người dân chưa cao Không chằng chống kịp thời Thiếu kỹ năng chằng chống	Nâng cao nhận thức về bảo vệ nhà cửa Chằng chống nhà cửa, kiên cố hóa nhà cửa
4	Ô nhiễm môi trường	Vùng thấp rác nhiều	Chưa dọn dẹp kịp thời	Tổ chức vệ sinh môi trường sau bão lụt Khởi thông hệ thống thoát nước
5	Hệ thống tưới tiêu hư hỏng,	Kênh mương bằng đất Hệ thống kênh mương xây dựng lâu ngày đã	Lụt bão xảy ra làm hệ thống kênh mương xuống cấp Hệ thống kênh mương được xây	Nâng cấp xây dựng lại hệ thống kênh mương Diệt chuột

	xuống cấp	xuống cấp	dựng từ lâu Chuột phá	
6	Gà vịt chết	Chuồng trại thấp, chưa đảm bảo	Chưa tu bổ nâng cấp chuồng trại Tập quán chăn nuôi thả rông	Nâng cấp tu bổ chuồng trại Chăn nuôi khép kín Chuyển đổi hình thức chăn nuôi Thay đổi tập quán chăn nuôi
7	Đường Nội đồng hư	Đường đất thấp, yếu	Chưa gia cố thường xuyên đường chưa được kiên cố hóa	Tu sửa, nâng cấp đường nội đồng Bê tông hóa đường nội đồng
Yêu cầu bắt buộc:	<i>Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã</i>			
<i>Lưu ý khác:</i>				
<i>Hướng dẫn điền:</i>				

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/linh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao kiến thức về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu	Người dân	Tuyên truyền về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trong cộng đồng và trường học	X		Nhà nước
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ an toàn cho trẻ em, nhất là trẻ em gái	Trẻ em nhất là trẻ em gái	Tập bơi cho trẻ em,		X	Các tổ chức xã hội
Hạ tầng công cộng	Tu sửa, nâng cấp đường nội đồng	Người sản xuất 2 thôn	Đắp đất, thường xuyên tu sửa đường	X		HTX và người dân
	Kiên cố hóa đường nội đồng	Người sản xuất 2 thôn	Bê tông hóa đường nội đồng		X	Nhà nước, HTX và người dân
Công trình thủy lợi	Nâng cấp đê bao	Người sản xuất 2 thôn	Tôn cao nền đê chống úng và chống xâm nhập mặn		X	Nhà nước, HTX

	Nâng cấp, bảo vệ hệ thống tưới tiêu	Người sản xuất 2 thôn	Nạo vét, khơi thông hệ thống kênh mương sau lụt	X		Người dân
			Bê tông hóa kênh mương thủy lợi		X	Nhà nước, HTX
			Tăng cường công suất máy bơm, trạm bơm		X	Nhà nước, HTX
			Tăng cường diệt chuột bảo vệ đê, kênh mương	X		Người dân
Nhà ở	Nâng cao nhận thức về nhà an toàn và bảo vệ nhà	Người dân 2 thôn	Tuyên truyền, tập huấn về nhà an toàn và bảo vệ nhà trước các hiện tượng thời tiết cực đoan	X		Nhà nước và các tổ chức xã hội
	Gia cố, chằng chống nhà cửa		Sửa sang, chằng chống nhà cửa	X		Người dân
	Hỗ trợ các gia đình khó khăn bảo vệ nhà cửa	Những hộ khó khăn, đặc biệt các hộ phụ nữ là chủ hộ	Cử lực lượng xung kích đến hỗ trợ các hộ khó khăn chằng chống nhà	X		Các tổ chức xã hội
	Xây dựng nhà an toàn	Các hộ có nhà chưa kiên cố	Vận động, hỗ trợ xây dựng nhà		X	Người dân Các tổ chức xã hội Dự án
Nước sạch, vệ sinh và môi trường						
Y tế và quản lý dịch bệnh						
Giáo dục	Gia cố, nâng cấp các phòng học	Các trường	Tu sửa, nâng cấp các phòng học bán kiên cố		X	Nhà nước và nhân dân
Rừng						
Trồng trọt	Cải tạo đất nhiễm mặn	Người trồng trọt thôn Đại Phong	Bón vôi, phân hữu cơ để cải tạo đất do nhiễm mặn	X		Người dân
	Chuyển đổi giống phù hợp với biến đổi	Người trồng trọt 2 thôn	Nghiên cứu chọn giống lúa, cây trồng phù		X	Nhà nước, HTX

	khí hậu		hợp với thay đổi của thời tiết, khí hậu			
	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Người trồng trọt 2 thôn	Nghiên cứu chuyển đổi cây trồng ở một số diện tích bị ngập, thiếu nước hay nhiễm mặn sang một số cây trồng thích hợp		X	Nhà nước, HTX
	Thay đổi lịch thời vụ phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu	Người trồng trọt 2 thôn	Bố trí lịch thời vụ phù hợp tình hình thời tiết, khí hậu	X		HTX
Chăn nuôi	Thay đổi tập quán chăn nuôi	Người chăn nuôi 2 thôn	Tuyên truyền, tập huấn về chăn nuôi cho người dân, ưu tiên phụ nữ	X		HTX Các tổ chức xã hội
	Chuyển đổi mô hình	Người chăn nuôi 2 thôn	Nâng cấp tu bổ chuồng trại Chăn nuôi khép kín Thành lập các mô hình gia trại, trang trại	X	X	Người dân HTX Người dân
Thủy sản						
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Nâng cấp hệ thống truyền thanh	Người dân 2 thôn	Tu sửa, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng hệ thống truyền thanh xã, thôn	X		Nhà nước HTX Các thôn
	Trang cấp loa cầm tay cho các thôn	Ban PCTT thôn	Hỗ trợ loa cầm tay cho 2 thôn và các xóm		X	Nhà nước, các tổ chức
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Nâng cáo năng lực về phòng chống thiên tai	Cán bộ và nhân dân	Tập huấn về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu cho cán bộ xã, thôn, lực lượng xung	X		Nhà nước Các tổ chức

			kích và người dân			
		Lực lượng cứu hộ, xung kích PCTT	Tập huấn về cứu hộ-sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ, xung kích PCTT	X		Nhà nước Các tổ chức
			Trang cấp các đồ dùng bảo hộ, phương tiện cho Ban PCTT thôn và lực lượng xung kích	X		Nhà nước Các tổ chức
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Nâng cao kiến thức về giới cho cán bộ và người dân	Người dân cả nam và nữ	Tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới cho cả nam và nữ	X		Nhà nước Các tổ chức
	Phát huy vai trò giới trong công tác phòng chống thiên tai	Nữ giới	Tăng cường sự tham gia và vai trò của nữ giới trong quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng	X		Nhà nước Các tổ chức
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ trước thiên tai cho phụ nữ	Nữ giới	Tập huấn về bơi lội cho phụ nữ và trẻ em nữ		X	Nhà nước Các tổ chức
	Hỗ trợ các hộ phụ nữ làm chủ hộ khó khăn	Các hộ phụ nữ khó khăn	Giúp đỡ các hộ phụ nữ làm chủ hộ khó khăn trong bảo vệ nhà cửa, sơ tán	X		Các tổ chức
<i>Lưu ý khác</i>						

3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Bản báo cáo đánh giá đã đầy đủ, chi tiết, nhất trí hoàn toàn không bổ sung gì thêm

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
1			
2			
3			
4			

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/Tháng	Thiên tai	Đặc điểm	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại gì	Tại sao ?	Đã làm gì để giảm nhẹ
10/2010	Bão	Gió lớn	Thôn Thượng phong	1 người chết (nam- Thượng Phong), 1 người bị thương (nam- Thượng Phong). 7 nhà bị tốc mái	Bị ngã trong quá trình chằng chống nhà cửa và tử vong	Thông báo trên loa ccuar thôn. Phát bao đựng cát cho các hộ dân
2010	Lũ	Nước dâng lên nhanh	Thôn Thượng Phong Đại Phong	Thôn Thượng Phong 1 người chết do điện (nữ- Thượng Phong) 1 người bị thương khi lội qua đoạn đường bị ngập Thôn Đại Phong Thiệt hại 20 ha hoa màu , bị ướt 200 tấn lương thực. Gia súc thiệt hại 20 con gia cầm 2000	Chập điện Chủ quan Nhà đơn sơ, nhà yếu. Nước lên nhanh và chảy xiết	Cúp điện khi lũ lên lớn Bố trí giống cây trồng hợp lý, nâng cao kho chống lụt, di tản gia súc- gia cầm tới nơi an toàn Gia cố đê điều trước mùa mưa lũ

				con. Sạt lở đường giao thông 3 km		
9/2011	Lũ	Nước dâng lên nhanh	Thượng Phong	Hoa màu thiệt hại 4 ha, gia súc- gia cầm chết 1000 con	Ngập dài ngày, nước lên nhanh không kịp di dời	Lập kế hoạch thời vụ, làm sàen vượt lũ, chủ động cắt điện trước khi lũ tới
7/2015	Hạn	Nắng nóng kéo dài	Thượng Phong	Thiệt hại lúa 100 ha	Thiếu nước tưới, nằm vùng cao, hệ thống tưới không đảm bảo	Khoanh vùng đê bao, làm bể chứa nước
12/2016	Rét đậm- rét hại	Nhiệt độ hạ thấp xuống khoảng 10°C	Thượng Phong, Đại Phong	Lúa thiệt hại 80ha phải gieo cấy lại (Thượng Phong 50ha, Đại Phong 30 ha) . Gia cầm chết 2000 con (Đại Phong). Cá giống chết 15000 con (Đại Phong)	Rét đậm, rét hại kéo dài vào thời điểm mới gieo mạ Chuồng trại không đảm bảo Chưa chủ động phòng chống thiên tai.	Cơ cấu lại lịch thời vụ, gia cố chuồng trại , che chắn chuồng trại và tích trữ thức ăn chăn nuôi
12/2016	Lượng mưa thay đổi	Mưa nhiều kéo dài và không theo chu kỳ	Toàn xã	50 ha lúa mới gieo mạ bị thiệt hại	Lượng mưa thất thường không theo chu kỳ, hệ thống thủy lợi chưa đảm bảo	Chủ động theo dõi tình hình nhằm chuyển dịch cơ cấu cây trồng
7/2018	Nắng nóng	Nhiệt độ cao kéo dài	Toàn xã	Thiệt hại năng xuất lúa toàn xã và sức khỏe cộng đồng	Thiếu nước tưới, hệ thống thủy lợi chưa đảm bảo	
7/2017	Nắng nóng	Nhiệt độ cao kéo dài 1 tháng	Đại Phong	5 cù tử vong, 30 cháu nhỏ phải nhập viện cấp cứu, lúa bị hạn 57 ha	BĐKH làm nắng nóng kéo dài làm ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng. Thiếu nước tưới do hệ thống thủy lợi chưa đảm bảo	Chủ động dự trữ nước khi có thông tin cảnh báo, cho học sinh nghỉ học để đảm bảo sức khỏe
2017	Mưa thất thường	Lượng mưa tăng, thời gian kéo dài	Đại Phong	Lúa ngập 65 ha, dịch bệnh xuất hiện	Mưa kéo dài gây lụt trên diện rộng, hệ thống tiêu úng chưa đảm bảo	Phun thuốc phòng dịch
2013	Bão	Cấp 10	Đại Phong	Tốc mái 200 nhà	Gió giật mạnh,	Chằng chống

		giật cấp 12		bị thương 4 người, gãy đổ cây lâu năm 500 cây	người dân chủ quan không chằng chống nhà cửa	nhà cửa dùng bao cát để chằng chống, sơ tán người dân tới nơi an toàn Cắt tỉa cành trước khi bão vào
--	--	-------------	--	---	--	---

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Lụt		<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <p>1590 hộ, 6440 người ở trong vùng ngập lụt (Đại Phong 920 hộ, 3530 người, Thượng Phong 670 hộ, 2910 người)</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 660 hộ, 2830 người ở trong vùng ngập sâu (Đại Phong 310 hộ, 1330 người , Thượng Phong 350 hộ, 1500 người) - 210 phụ nữ là chủ hộ (Đại Phong 120, Thượng Phong 90) - 2.010 đối tượng dễ bị tổn thương (Đại Phong 2.010, Thượng Phong 1797) - 20% phụ nữ, 13% nam, 40% trẻ em chưa biết bơi - 15% chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai -5% hộ còn chủ quan chưa chịu sơ tán ngay khi có lệnh sơ tán của chính quyền - Có 259 hộ gia đình ở vùng ngập sâu không có ghe, thuyền (Đại Phong 109 Thượng Phong 150) - Có 770 hộ không có phao, áo phao dự phòng trong gia đình khi có lụt (Đại Phong 720 Thượng Phong 50) 20% phụ nữ; 13% nam giới; 40% trẻ em chưa biết bơi - Có 15% gia đình chưa có kiến thức, kinh nghiệm trong việc phòng, chống thiên tai - 5 % gia đình chưa chủ động trong 	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 192 nhà cao tầng ; những nhà này có thể làm nơi sơ tán trong cộng đồng. (Đại Phong 185 Thượng Phong 7) Có 3 điểm trường cao tầng - Có 6 điểm sơ tán lụt ở các thôn (Đại Phong 3 Thượng Phong 3) - Có 282 hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lụt (Đại Phong 82 Thượng Phong 200) - Có 520 hộ gia đình có trang bị áo phao, phao cứu sinh trong nhà (Đại Phong 220 Thượng Phong 300) <p>80% phụ nữ, 87% nam, 60% trẻ em biết bơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 85% gia đình có kiến thức, kinh nghiệm trong việc phòng, chống thiên tai - Có 95% gia đình chủ động trong 	<p>Thiệt hại về người</p> <p>Đường hư</p> <p>Cầu công hư</p>

	<p>bảo vệ nhà cửa, kê cất tài sản (Đại Phong 5% Thượng Phong 5%) - 5% gia đình không có dự trữ lương thực trước mùa mưa bão</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH 245 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Đại Phong 125, Thượng Phong 120) 25 ha đất trồng rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (Thượng Phong 25) - Có 10% người dân (trong đó nữ chiếm 50%) chưa được trang bị, áp dụng KHKT kỹ thuật vào trồng trọt - Có 4,5 km đê chưa kiên cố (Đại Phong 2,5, Thượng Phong 2) - Có 8 km kênh mương chưa kiên cố (Đại Phong 4, Thượng Phong 4) - 10 km đường nội đồng chưa kiên cố (TP 10km)</p> <p>Có 29 con trâu/bò được nuôi trong vùng bị ngập sâu. (Đại Phong 14 Thượng Phong 15) Có 6 hộ có chuồng trại chưa an toàn (Đại Phong 2, Thượng Phong 4) - Có 31 hộ nuôi lợn trong vùng thường ngập lụt có chuồng lợn thấp</p>	<p>bảo vệ nhà cửa, kê cất tài sản (Đại Phong 95% Thượng Phong 95%) - 95% gia đình chủ động dự trữ đủ lương thực trước mùa mưa bão (Đại Phong 95% Thượng Phong 95%) - 90% gia đình chủ động dự trữ đủ lương thực trước mùa mưa bão</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH - Có 4133 người tham gia trồng trọt (nam 1856 nữ 2277) (Đại Phong 2303, Thượng Phong 1830) - Có 90% người dân (trong đó nữ chiếm 50%) được trang bị, áp dụng KHKT kỹ thuật vào trồng trọt - Có 16,5 km đê kiên cố (Đại Phong 8,5, Thượng Phong 8) - Có 12 km kênh mương thủy lợi kiên cố (Đại Phong 6 Thượng Phong 6) - Có 10 trạm bơm (Đại Phong 5, Thượng Phong 5) - Có 20 máy cày (Đại Phong 12, Thượng Phong 8) - Có 6 máy gặt,(Đại Phong 6) - Có 8 máy bơm nước (Thượng Phong 8) Hai thôn có 2 HTX SXNN mạnh, chỉ đạo sản xuất tốt - Có 11 hộ nuôi trâu/bò có chuồng trại an toàn (Đại Phong 6, Thượng Phong 5) - Có 16 người chăn nuôi trâu/bò (nam: 10 , nữ: 6) (Đại Phong 8 Thượng Phong 8)</p>	<p>Lúa hư</p> <p>Hoa màu hư</p> <p>Kênh mương hư</p> <p>Đường nội đồng hư</p> <p>Trâu chết</p> <p>Lợn trôi</p>
--	---	--	--

	<p>(Đại Phong 15 Thượng Phong 16)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 con dê nuôi trong vùng thường ngập lụt (Đại Phong 1) - Có 70% hộ nuôi gà vịt đều thả rông không có chuồng trại - Có 2,8 ha hồ nuôi cá ở vùng thường ngập lụt (Đại Phong 0.8, Thượng Phong 2) - Có 5 lồng nuôi cá ở sông (Thượng Phong 5) - Có 15% người dân (trong đó nữ chiếm 5%) chưa được trang bị kỹ thuật chăn nuôi (Đại Phong 15% Thượng Phong 15%) - Có 62 thuyền nhỏ đánh cá trên sông (Đại Phong 22, Thượng Phong 40) (124 người đánh cá, 50% là nữ) - Có 8 cơ sở may ở vùng thường ngập sâu có xưởng may thấp (Đại Phong) - Có 28 cơ sở mộc ở vùng thường ngập sâu có cơ sở thấp (Đại Phong 18 Thượng Phong 10) - Có 3 cơ sở xay xát ở vùng thường ngập sâu có cơ sở thấp (Đại Phong 3) - Có 150 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu, có cơ sở buôn bán thấp (Đại Phong 38, Thượng Phong 112) - 12 hộ làm dịch vụ vận chuyển tại thôn Thượng Phong <p>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình <p>10% người dân còn chưa có ý thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 65 hộ chăn nuôi lợn đã xây chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về (Đại Phong 60 Thượng Phong 5) - Có 30% hộ chăn nuôi gà nhốt chuồng. - Có 13 người nuôi cá (nam 7 nữ 6) (Đại Phong 3, Thượng Phong 10) Có 85% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào chăn nuôi, trong đó nữ chiếm 70%) 100% người đánh cá có kinh nghiệm về sông nước, biết bơi - Có 6 cơ sở mộc ở vùng ngập sâu có cơ sở cao (Đại Phong 6) - Có 6 cơ sở xay xát ở vùng ngập sâu có cơ sở cao (Đại Phong 6) - Có 30 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu, có cơ sở buôn bán cao (Đại Phong 12, Thượng Phong 18) <p>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình - Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 100%. 	<p>chết</p> <p>Gà vịt trôi chết</p> <p>Cá trôi</p> <p>Hàng hóa hư ướt</p>
--	---	---	---

		trong việc bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh - Có 2 tổ thu gom rác (Thượng phong 1 Đại Phong 1. gồm tổng cộng 15 người) Xã có tổ chức Ngày Nông thôn mới làm vệ sinh môi trường - 90% người dân có ý thức trong việc bảo vệ môi trường 	
Bão/lốc		<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 7 nhà văn hóa tổ dân cư thiếu kiên cố (Đại Phong 4, Thượng Phong 3) - Trường mầm non Thượng Phong có 4 phòng học bán kiên cố - Trường tiểu học Đại Phong có 4 phòng học bán kiên cố - Nhà đơn sơ : 11 nhà (Đại Phong.5 Thượng Phong 6) + Số người ở trong nhà đơn sơ là 45 người (Đại Phong 25 Thượng Phong 21) - Nhà thiếu kiên cố: 3 nhà (Thượng Phong 3) + Số người ở trong nhà chưa kiên cố là 11 người (Thượng Phong) - Nhà bán kiên cố: 1.115 nhà (Đại Phong 625 Thượng Phong 490) + Số người ở trong nhà bán kiên cố là 4730 người (Đại Phong 2680 Thượng Phong 2050) - 31.6 km dây điện (Đại Phong 17.2 Thượng Phong 14.4) - Có 10% hộ chưa có các phương tiện nghe nhìn (Đại Phong 10% Thượng Phong 10%) - 20% người dân (55% nữ) chưa có kiến thức về phòng chống bão (Đại Phong.20 Thượng Phong 20) - Có 10% hộ gia đình chưa chủ động chằng chống nhà cửa 	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường mầm non TP có 8 phòng học kiên cố - Trường tiểu học TP có 10 phòng học kiên cố - Trường tiểu học ĐP có 14 phòng học kiên cố - Trường THCS có 18 phòng kiên cố - Trạm Y tế có máy 6 phòng kiên cố - 2 Nhà văn hóa thôn kiên cố (TP 1, ĐP 1) - Nhà kiên cố : 710 (TP 400, ĐP 310) - Có 6 điểm sơ tán tập trung (Đại Phong 3 Thượng Phong 3) - 1610 cột điện kiên cố (Đại Phong 750 Thượng Phong 860) - Hệ thống điện phủ khắp các thôn, xóm, gồm 5 trạm biến áp ở các thôn, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%. (Đại Phong 3 Thượng Phong 2) - Có 90% hộ có các phương tiện nghe nhìn để theo dõi các thông tin cảnh báo bão, lũ (Đại Phong 90% Thượng Phong 90%) - Có 100% người dân nghe được các thông tin cảnh báo bão, lũ từ loa truyền thanh xã/thôn (Đại Phong 100% Thượng Phong 	<p>Cơ sở vật chất trường học hư hại</p> <p>Nhà sập, tóc mái</p> <p>Thiệt hại về người</p>

		<p>100%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% người dân (45 %nữ) chưa có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão (Đại Phong 80% Thượng Phong 80%) - Có 90% hộ gia đình chủ động chằng chống nhà cửa (Đại Phong 90% Thượng Phong 90%) <p>SẢN XUẤT/KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 ha đất cây ăn trái ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (Đại Phong 2) - Có 8 cơ sở may có cơ sở bán kiên cố (Đại Phong 8) - Có 22 cơ sở mộc có cơ sở chưa bán kiên cố (Đại Phong 12, Thượng Phong 10) - Có 3 cơ sở xay xát có cơ sở bán kiên cố (Đại Phong 3) - Có 108 hộ buôn bán cơ sở mua bán chưa được kiên cố (Đại Phong 38 Thượng Phong 70) 	<p>100%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 17 cơ sở mộc có cơ sở kiên cố (Đại Phong 17) - Chủ hộ kinh doanh tư nhân, có kinh nghiệm bảo vệ cơ sở kinh doanh, hàng hóa khi có thiên tai - Có 92 hộ buôn bán cơ sở mua bán kiên cố (Đại Phong 12, Thượng Phong 80) 	<p>Cây gãy đổ</p> <p>Cơ sở sản xuất, kinh doanh hư hại</p>
Mưa nhiều		<p>KINH DOANH SẢN XUẤT</p> <p>210 ha đất trồng lúa, hoa màu ở vùng thường xuyên bị mưa làm ngập gây khó thụ phấn và giảm năng xuất (Đại Phong 40, Thượng Phong 170)</p>		<p>Lúa hư/chết</p>
Rét		<p>KINH DOANH SẢN XUẤT</p> <p>674,64 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị tác động của rét</p> <p>Có 29 con trâu/bò được nuôi trong vùng bị ngập sâu. (Đại Phong 14 Thượng Phong 15)</p>	<p>KINH DOANH SẢN XUẤT</p> <p>Có 100% người dân có kinh nghiệm trong việc phòng, chống rét cho cây lúa (Thượng Phong 100%)</p> <p>70% hộ nuôi trâu bò có chuồng trại kín</p>	<p>Lúa kém phát triển/chết</p> <p>Trâu bò chết</p>

Hạn	KINH DOANH SẢN XUẤT 250 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị thiếu nước (150, Thượng Phong 100)	KINH DOANH SẢN XUẤT - Có 8 máy bơm nước .(Thượng Phong 8) - Hồ chứa An Mã tại địa phận thôn	Lúa chết
Xâm Nhập mặn	180 ha đất trồng lúa thường bị nhiễm mặn	KINH DOANH SẢN XUẤT Có cống ngăn mặn, người dân sử dụng phương pháp bón phân lân, vôi để giảm mặn	Lúa chậm phát triển
Nhiệt độ tăng	KINH DOANH SẢN XUẤT Toàn bộ diện tích gieo trồng lúa tại xã Phong Thủy chịu ảnh hưởng do nhiệt độ tăng cụ thể như sâu bệnh, dịch bệnh xảy ra nhiều hơn; giảm năng suất.	HTX chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh, chăm sóc Người dân có kinh nghiệm trồng lúa	Giảm năng suất

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá





F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai ¹

1. Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



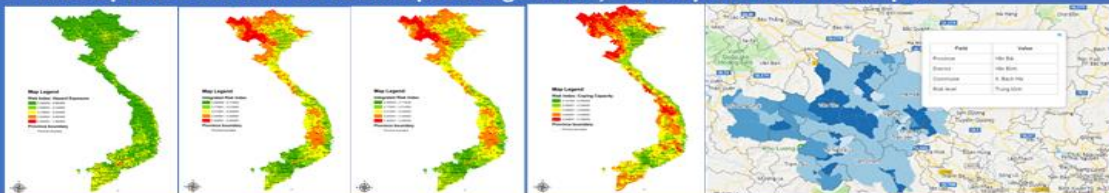
- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai² bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

¹ Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

² Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

- i. nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- ii. phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- iii. phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- iv. đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau³ ;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp⁴. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.

Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

2. Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai⁵: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, mô tả bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chính sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng, v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ

³ Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

⁴ Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai (http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁵ Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến

thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.